

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2023

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Di
2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số G Tổ B, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài P, sinh năm 1973; địa chỉ: Số G Tổ B, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Hoài P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn; quá trình chung sống đến năm 2010 thì bà T và ông P mâu thuẫn; bà T nộp đơn xin ly hôn với ông P và được Tòa án nhân dân huyện Long Điền giải quyết ly hôn theo Bản án số 48/2020/HNGĐ-ST ngày 24-8-2020.

Năm 2021, bà T và ông P tiếp tục chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 19-5-2021.

Quá trình chung sống đến khoảng cuối năm 2022 thì bà T và ông P phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Dù đã hàn gắn nhưng các bên đều nhận thấy không còn yêu thương nhau nên không thể tiếp tục chung sống. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là chị Nguyễn Ngọc Lan Q, sinh ngày 12-7-1997 và anh Nguyễn Đức P1, sinh ngày 17-6-2001. Do chị Q và anh

P1 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Hoài P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông P đến làm việc nhưng ông P vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Hoài P. Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là chị Nguyễn Ngọc Lan Q, sinh ngày 12-7-1997 và anh Nguyễn Đức P1, sinh ngày 17-6-2001. Do chị Q và anh P1 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động; bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Hoài P có địa chỉ tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Hoài P được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Hoài P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 19-5-2021 nên là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu thì bà T và ông P chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông P và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh bà T và ông P đều thường trú và sinh sống tại địa chỉ Số G Tổ B, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, về mâu thuẫn giữa bà T và ông P thì địa phương không rõ. Theo bà T trình bày thì bà T và ông P thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi vã và không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ rất lâu.

Nhận thấy, hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ và chồng cùng yêu thương, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông P vắng mặt cũng không có ý kiến phản hồi cho Tòa án, điều này chứng tỏ ông P cũng không muốn duy trì quan hệ hôn nhân với bà T. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông P có 02 con chung là chị Nguyễn Ngọc Lan Q, sinh ngày 12-7-1997 và anh Nguyễn Đức P1, sinh ngày 17-6-2001. Do chị Q và anh P1 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động; bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Hoài P:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Hoài P.

1.2. Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là chị Nguyễn Ngọc Lan Q, sinh ngày 12-7-1997 và anh Nguyễn Đức P1, sinh ngày 17-6-2001. Do chị Q và anh P1 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động; bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0009271 ngày 21-11-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà T đã nộp xong.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- UBND xã P, huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký*)

Hồ Hạnh Nguyên